

PHỤ LỤC 4

LĨNH VỰC AN TOÀN, AN NINH MẠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BTTTT ngày/.../2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định biểu mẫu các chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. HOẠT ĐỘNG AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG

A. Danh mục biểu mẫu áp dụng đối với Cục ATTT

Ký hiệu	Tên biểu	Kỳ báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo
ATTT-01	Tổng hợp cả nước số lượng doanh nghiệp hoạt động an toàn thông tin mạng	Năm	Cục ATTT	Vụ KHTC, VP Bộ	Trước 15/3 năm sau
ATTT-02	Tổng hợp hoạt động ứng cứu an toàn thông tin mạng quốc gia	Tháng	Cục ATTT	Vụ KHTC, VP Bộ	Trước ngày 10 tháng sau
ATTT-03	Tổng hợp cả nước số lượng thành viên thuộc đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia	Năm	Cục ATTT	Vụ KHTC, VP Bộ	Trước 15/3 năm sau
ATTT-04.1	Tổng hợp cả nước doanh thu, lao động, nộp ngân sách	Tháng, 6 tháng đầu năm, Năm	Cục ATTT	Vụ KHTC, VP Bộ	Tháng: Trước ngày 10 tháng sau. 6 tháng đầu năm: Trước 10/7. Năm: Trước 25/3 năm sau
ATTT-05.1	Tổng hợp cả nước số lượng sản phẩm an toàn thông tin mạng nội địa	Quý	Cục ATTT	Vụ KHTC, VP Bộ	Trước ngày 10 tháng sau quý
ATTT-06	Tổng hợp cả nước số trường đào tạo nhân lực an toàn thông tin mạng	Năm	Cục ATTT	Vụ KHTC, VP Bộ	Trước 31/10 năm sau

B. Biểu mẫu áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp

Ký hiệu	Tên biểu	Kỳ báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo
ATTT-04	Doanh thu, lao động, nộp ngân sách	Tháng, 6 tháng đầu năm, Năm	Doanh nghiệp hoạt động an toàn thông tin mạng	Cục ATTT	Tháng: Trước ngày 05 tháng sau. 6 tháng đầu năm: Trước 05/7. Năm: Trước 15/3 năm sau
ATTT-05	Số lượng sản phẩm an toàn thông tin mạng nội địa	Quý	Doanh nghiệp hoạt động an toàn thông tin mạng	Cục ATTT	Trước ngày 05 tháng sau quý

B. Biểu mẫu áp dụng đối với Cục ATTT**Biểu ATTT-01**

Ban hành theo QĐ số .../QĐ-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Trước
15/3 năm sau**TỔNG HỢP CẢ NƯỚC
SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG
AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG**

Năm 20...

Đơn vị báo cáo:
Cục ATTTĐơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, VP Bộ

TT	Doanh nghiệp	Mã địa chỉ	Mới tăng trong kỳ	Chia theo loại hình kinh tế			Chia theo loại hình sản phẩm, dịch vụ cung cấp			Mã DN (Mã số thuế)	Số, Ký hiệu giấy phép	Ngày cấp	Ngày bắt đầu có hiệu lực	Ghi chú
				DN nhà nước	DN ngoài nhà nước (trừ FDI)	DN FDI	Sản xuất sản phẩm	Nhập khẩu sản phẩm	Cung cấp dịch vụ					
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	CẢ NƯỚC		-	-	-	-	-	-	-					
1	Doanh nghiệp A													
2	Doanh nghiệp B													
	...													

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU*(Ký điện tử)***KIỂM TRA BIỂU***(Ký điện tử)***CỤC TRƯỞNG***(Ký điện tử)**Ghi chú**Cột Nội dung*

(B) Ghi tên doanh nghiệp.

(C) Ghi mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương tương ứng với địa chỉ cơ sở chính của đơn vị có tên tại cột B. Mã ghi theo bảng Danh mục và mã số đơn vị hành chính Việt Nam quy định tại QĐ số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ. Vd: Trường tại Hà Nội, mã: 01. Tại TP.HCM, mã: 79.

Cột 1: Đánh dấu X nếu doanh nghiệp có tên ở cột B là mới tăng trong kỳ. Nếu không phải thì để trống.

Các cột từ Cột 2 đến Cột 7: Ghi thông tin tương tự như cách ghi đã áp dụng đối với Cột 1.

Cột 8: Ghi mã số thuế của doanh nghiệp có tên ở cột B.

Ghi số liệu dòng Cả nước:

Sau khi ghi đủ thông tin cho tất cả các doanh nghiệp trên biểu, tiến hành ghi số liệu dòng Cả nước.

Các cột từ Cột 1 đến Cột 7: đếm số lượng ô có đánh dấu X tại từng cột, ghi số đếm được lên ô tương ứng dòng Cả nước.

Cột C: Ghi tổng số doanh nghiệp trong biểu (tương ứng với số thứ tự của DN cuối trong biểu).

Khi có sự thay đổi gồm (1) thay đổi giấy phép, (2) thay đổi nội dung trong giấy phép, (3) cấp giấy phép mới, (4) thu hồi giấy phép: Cục thực hiện cập nhật ngay sau khi có sự thay đổi hoặc cập nhật trong ngày - đảm bảo đồng bộ giữa dữ liệu theo dõi sau cấp phép của Cục và thông tin tương ứng trên cơ sở dữ liệu thống kê của Bộ. Các trường hợp thay đổi khác thực hiện cập nhật định kỳ hằng tháng.

Biểu ATTT-02Ban hành theo QĐ số
.../QĐ-BTTTT**TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG
ỨNG CỨU AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG
QUỐC GIA**Đơn vị báo cáo:
Cục ATTTNgày nhận báo cáo:
Trước ngày 10 tháng sau

Tháng ... /20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, VP Bộ

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	1	2
1	Số cuộc tấn công mạng	Cuộc		
1.1	Tấn công thay đổi giao diện (Deface)	Cuộc		
1.2	Tấn công lây nhiễm mã độc (Malware)	Cuộc		
1.3	Tấn công lừa đảo (Phishing)	Cuộc		
2	Số lượng địa chỉ IP Việt Nam nằm trong các mạng botnet	Địa chỉ IP		
3	Tỷ lệ đơn vị xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định	%		(Năm)
3.1	Thuộc Bộ, ngành	%		(Năm)
3.2	Thuộc UBND cấp tỉnh	%		(Năm)
3.3	Thuộc DN	%		(Năm)
4	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức nhà nước đã áp dụng tiêu chuẩn quốc tế/quốc gia về an toàn thông tin.	%		(Năm)
5	Tỷ lệ nhân lực được tập huấn, đào tạo ngắn hạn nâng cao kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin mạng	%		(Năm)
6	Tỷ lệ cơ quan hằng năm có phối hợp với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng để đảm bảo an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin	%		(Năm)
6.1	Thuộc Bộ, ngành	%		(Năm)
6.2	Thuộc UBND cấp tỉnh	%		(Năm)
7	Tỷ lệ cơ quan cấp huyện có đơn vị hoặc bộ phận chuyên trách về an toàn thông tin mạng	%		(Năm)
8	Tỷ lệ cơ quan cấp huyện đã ban hành và áp dụng quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng	%		(Năm)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU KIỂM TRA BIỂU*(Ký điện tử)**(Ký điện tử)***CỤC TRƯỞNG***(Ký điện tử)*

Biểu ATTT-03

Ban hành theo QĐ số .../QĐ-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Trước
15/3 năm sau**TỔNG HỢP CẢ NƯỚC
SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN THUỘC MẠNG LƯỚI
ỨNG CỨU SỰ CỐ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG QUỐC GIA**

Năm 20...

Đơn vị báo cáo:
Cục ATTTĐơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, VP Bộ

STT	Tên đơn vị	Mã địa chỉ	Phân loại thành viên theo tổ chức ra QĐ thành lập			Địa chỉ liên hệ	Số điện thoại liên lạc	Email liên lạc	Địa chỉ liên hệ của người đứng đầu đơn vị			Thời gian bắt đầu là thành viên mạng lưới (tháng/năm)	Ghi chú
			Bộ, ngành thành lập	UBND cấp tỉnh	DN và các tổ chức khác				Họ và tên	Số điện thoại di động	Email		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	CẢ NƯỚC												
1	Đơn vị A												
2	Đơn vị B												
...	...												

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU*(Ký điện tử)***KIỂM TRA BIỂU***(Ký điện tử)***CỤC TRƯỞNG***(Ký điện tử)**Ghi chú**Cột Nội dung*

(B) Ghi tên Đơn vị.

(C) Ghi tương tự như cách ghi thông tin Cột C, biểu mẫu ATTT-01.

Các cột từ Cột 1 đến Cột 11: Ghi thông tin tương ứng với Đơn vị có tên tại cột B. Trong đó, Cột 1, 2, 3: Thành viên tại Cột B thuộc nhóm nào thì đánh dấu X vào ô tương ứng.

Dòng số liệu Cả nước được tổng hợp tương ứng từ số liệu các Đơn vị trên biểu. Cột C ghi số lượng đơn vị (theo số thứ tự đơn vị xếp cuối biểu) Cục ATTT định kỳ cập nhật (hàng tháng) các thay đổi để đảm bảo các thông tin tại cơ sở dữ liệu thống kê của Bộ đồng bộ với các thông tin theo dõi tương ứng của Cục.

Biểu ATTT-04.1

Ban hành theo QĐ số .../QĐ-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Tháng:
Trước ngày 10 tháng sau. 6
tháng đầu năm: Trước 10/7.
Năm: Trước 25/3 năm sau**TỔNG HỢP CẢ NƯỚC
DOANH THU, LAO ĐỘNG
NỘP NGÂN SÁCH****Tháng ... /20...**
6 tháng (đầu năm) 20...
Năm 20...Đơn vị báo cáo:
Cục ATTTĐơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, VP Bộ

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	1	2
1	Doanh thu lĩnh vực an toàn thông tin mạng	Triệu VNĐ		(Tháng /Năm)
2	Số lượng lao động của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực an toàn, an ninh mạng	Người		(6 tháng /Năm)
2.1	Trong đó: Nữ	Người		(6 tháng /Năm)
3	Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp hoạt động ATTT mạng	Triệu VNĐ		(Năm)
4	Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng	Triệu USD	-	(Năm)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU*(Ký điện tử)***KIỂM TRA BIỂU***(Ký điện tử)***CỤC TRƯỞNG***(Ký điện tử)**Ghi chú*

Biểu được tổng hợp tương ứng từ số liệu biểu ATTT-04 các doanh nghiệp đã báo cáo Cục ATTT. Riêng chỉ tiêu 4 Cục ATTT tập hợp từ số liệu do cơ quan nhà nước liên quan chia sẻ.

Biểu ATTT-05.1

Ban hành theo QĐ ... /QĐ-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Trước ngày 10 tháng sau quý

**TỔNG HỢP CẢ NƯỚC
SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM
AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NỘI ĐỊA**

Quý ... /20...

Đơn vị báo cáo:

Cục ATTT

Đơn vị nhận báo cáo:

Vụ KHTC, VP Bộ

TT	Tên sản phẩm	Thương hiệu/mã hiệu/ký hiệu sản phẩm	Phân loại theo công dụng			Phân loại theo hình thái sản phẩm			Ngày đăng ký nhãn hiệu /bản quyền	Cơ quan /Tổ chức nơi sản phẩm được đăng ký bản quyền	Thời gian chính thức phát hành /bán hàng (tháng /năm)	Ghi chú
			Sản phẩm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng	Sản phẩm giám sát an toàn thông tin mạng	Sản phẩm chống tấn công, xâm nhập	Phần mềm	Phần cứng	Phần cứng có tích hợp phần mềm				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	CẢ NƯỚC											
	Doanh nghiệp A											
1	Sản phẩm 1											
...	...											
	Doanh nghiệp B											
1	Sản phẩm 1											
2	Sản phẩm 2											
...	...											

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
(Ký điện tử)**KIỂM TRA BIỂU**
(Ký điện tử)Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...
CỤC TRƯỞNG
(Ký điện tử)

Ghi chú:

Biểu được tổng hợp tương ứng từ số liệu biểu mẫu ATTT-05 doanh nghiệp đã gửi Cục ATTT.

Dòng Cả nước: Ghi thông tin tổng hợp về số lượng sản phẩm an toàn thông tin mạng nội địa (bằng tổng số sản phẩm tương ứng do các DN cung cấp).

Biểu ATTT-06

Ban hành theo QĐ số .../QĐ-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Trước
31/10 hằng năm**TỔNG HỢP CẢ NƯỚC
SỐ TRƯỜNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC
AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG**

Năm học 20... -20...

Đơn vị báo cáo:
Cục ATTTĐơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, VP Bộ*Đơn vị tính: Người*

TT	Tên đơn vị	Mã địa chỉ	Số lượng sinh viên tuyển sinh mới	Số lượng sinh viên tốt nghiệp	Trong đó, sinh viên nữ giới	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
	CẢ NƯỚC					
1	Trường ...					
2	Trường ...					
...	...					

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
(Ký điện tử)**KIỂM TRA BIỂU**
(Ký điện tử)*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...*
CỤC TRƯỞNG
(Ký điện tử)*Ghi chú**Cột Nội dung*

(B) Ghi tên Trường.

(C) Ghi tương tự như cách ghi thông tin Cột C, biểu mẫu ATTT-01.

Các cột từ Cột 1 đến Cột 7: Ghi thông tin tương ứng với Trường có tên tại cột B.

Dòng số liệu Cả nước được tổng hợp tương ứng từ số liệu các Trường trên biểu.

(Cục phối hợp với Vụ CNTT để thu thập số liệu lập biểu)

B. Biểu mẫu áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động an toàn thông tin mạng**Biểu ATTT-04**

Ban hành theo QĐ số .../QĐ-BTTTT

**DOANH THU, LAO ĐỘNG
NỘP NGÂN SÁCH**Đơn vị báo cáo:
Doanh nghiệp ATTTM...Ngày nhận báo cáo: Tháng:
Trước ngày 05 tháng sau. 6
tháng đầu năm: Trước 05/7.
Năm: Trước 15/3 năm sau**Tháng ... /20...**
6 tháng (đầu năm) 20...
Năm 20...Đơn vị nhận báo cáo:
Cục ATTTT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	D	1	2
1	Doanh thu lĩnh vực an toàn thông tin mạng	Triệu VNĐ		(Tháng /Năm)
2	Số lượng lao động của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực an toàn, an ninh mạng	Người		(6 tháng /Năm)
2.1	Trong đó: Nữ	Người		(6 tháng /Năm)
3	Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp hoạt động ATTT mạng	Triệu VNĐ		(Năm)

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
(Ký điện tử)..., ngày ... tháng ... năm 20...
TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký điện tử)*Ghi chú**Dòng Nội dung*

- (1) Là tổng số tiền thu được trong năm từ hoạt động liên quan đến kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng của các doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng trong kỳ báo cáo.
- (2) Là số lượng lao động hưởng lương tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng trong kỳ báo cáo. Bằng trung bình giữa số đầu kỳ và số cuối kỳ.
- (3) Là tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng trong năm.

Biểu ATTT-05Ban hành theo QĐ ... /QĐ-
BTTTTNgày nhận báo cáo: Trước
ngày 05 tháng sau quý**SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM
AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NỘI ĐỊA**

Quý ... /20...

Đơn vị báo cáo:
Doanh nghiệp ATTTMĐơn vị nhận báo cáo:
Cục ATTT

Stt	Tên sản phẩm	Thương hiệu/mã hiệu/ký hiệu sản phẩm	Phân loại theo công dụng			Phân loại theo hình thái sản phẩm			Ngày đăng ký nhãn hiệu /bản quyền	Cơ quan /Tổ chức nơi sản phẩm được đăng ký bản quyền	Thời gian chính thức phát hành /bán hàng (tháng /năm)	Ghi chú
			Sản phẩm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng	Sản phẩm giám sát an toàn thông tin mạng	Sản phẩm chống tấn công, xâm nhập	Phần mềm	Phần cứng	Phần cứng có tích hợp phần mềm				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG											
1	Sản phẩm A											
2	Sản phẩm B											
...	...											

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
(Ký điện tử)..., ngày ... tháng ... năm 20...
TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký điện tử)*Ghi chú**Cột Nội dung*

(B) Ghi tên sản phẩm.

(C) Ghi thương hiệu/mã hiệu hoặc ký hiệu của sản phẩm tương ứng tại Cột B.

- (1) Sản phẩm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng là các thiết bị phần cứng, phần mềm có các chức năng cơ bản sau: Rà quét, kiểm tra, phân tích cấu hình, hiện trạng, dữ liệu nhật ký của hệ thống thông tin; phát hiện lỗ hổng, điểm yếu; đưa ra đánh giá rủi ro an toàn thông tin.
Đánh dấu X nếu sản phẩm tương ứng có tên tại Cột B là sản phẩm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng. Nếu không phải thì để trống.
Các cột từ Cột 2 đến Cột 6: Ghi thông tin tương tự như cách ghi đã áp dụng đối với Cột 1.
- (2) Sản phẩm giám sát an toàn thông tin mạng là các thiết bị phần cứng, phần mềm có các chức năng cơ bản sau: Giám sát, phân tích dữ liệu truyền trên hệ thống thông tin; thu thập, phân tích dữ liệu nhật ký theo thời gian thực; phát hiện và đưa ra cảnh báo sự kiện bất thường, có nguy cơ gây mất an toàn thông tin.
- (3) Sản phẩm chống tấn công, xâm nhập là các thiết bị phần cứng, phần mềm có chức năng cơ bản ngăn chặn tấn công, xâm nhập vào hệ thống thông tin.

Cách ghi số liệu dòng Tổng cộng:

Sau khi ghi xong số liệu cho tất cả các sản phẩm trên biểu, tiến hành ghi thông tin dòng Tổng cộng.

Cột C - Ghi tổng số sản phẩm (tương ứng với thứ tự của sản phẩm thứ tự cuối cùng trên biểu).

Các cột từ Cột 1 đến Cột 6: Đếm số ô đánh dấu X của từng cột, ghi số đếm được lên ô tương ứng dòng Tổng cộng.

II. HOẠT ĐỘNG XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

A. Danh mục biểu mẫu áp dụng đối với NEAC

Ký hiệu	Tên biểu	Kỳ báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo
NEAC-01	Tổng hợp cả nước số lượng tổ chức/doanh nghiệp CCDV xác thực chữ ký số	Năm	NEAC	Vụ KHTC, VP Bộ	Trước 15/3 năm sau
NEAC-02.1	Tổng hợp cả nước số lượng chứng thư số đã cấp	Tháng Năm	NEAC	Vụ KHTC, VP Bộ	Trước ngày 10 tháng sau Năm: Trước 25/3 năm sau

B. Biểu mẫu áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp

Ký hiệu	Tên biểu	Kỳ báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo
NEAC-02	Số lượng chứng thư số đã cấp	Tháng Năm	Tổ chức/ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xác thực chữ ký số	NEAC	Tháng: Trước ngày 05 tháng sau Năm: Trước 15/3 năm sau

A. Biểu mẫu áp dụng đối với NEAC
Biểu NEAC-01

Ban hành theo QĐ số .../QĐ-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Trước 15/3 năm sau

TỔNG HỢP CẢ NƯỚC
SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP
CUNG CẤP DỊCH VỤ XÁC THỰC CHỦ KÝ SỐ

Năm 20...

Đơn vị báo cáo:
 Trung tâm NEAC

Đơn vị nhận báo cáo:
 Vụ KHTC, VP Bộ

TT	Tên đơn vị (CA)	Mã địa chỉ	Tăng mới trong kỳ	Bị thu hồi giấy phép	Chia theo loại hình kinh tế của CA			Phân loại CA			Mã DN (Mã số thuế)	Mã quan hệ với ngân sách	Số, Ký hiệu giấy phép	Ngày cấp	Ngày bắt đầu có hiệu lực	Ngày hết hạn	Phạm vi giấy phép	Ghi chú
					Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước (trừ FDI)	Kinh tế có vốn đầu tư FDI	CA công cộng	CA chuyên dùng chính phủ	CA chuyên dùng khác								
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	CẢ NƯỚC																	
1	Đơn vị /doanh nghiệp A																	
2	Đơn vị /doanh nghiệp B																	
	...																	

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
 (Ký điện tử)

KIỂM TRA BIỂU
 (Ký điện tử)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...
GIÁM ĐỐC
 (Ký điện tử)

Ghi chú
 Cột Nội dung

- (B) Ghi tên đơn vị/doanh nghiệp.
- (C) Ghi mã tỉnh/thành phố trực thuộc TW tương ứng với địa chỉ liên hệ của đơn vị /doanh nghiệp có tên tại cột B. Mã ghi theo bảng Danh mục và mã số đơn vị hành chính Việt Nam quy định tại QĐ số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ. Vd: địa chỉ tại Hà Nội, ghi mã 01. Địa chỉ tại TP.HCM ghi mã 79.

Cột 1: Đánh dấu X nếu đơn vị có tên tại Cột B là tăng mới trong kỳ. Nếu không phải thì để trống.

Các Cột từ Cột 2 đến Cột 8: Ghi thông tin như cách ghi đã áp dụng tại Cột 1.

Ghi số liệu dòng Cả nước:

Các cột từ cột 1 đến cột 7: đếm số lượng ô có đánh dấu X tại từng cột, ghi số đếm được lên ô tương ứng.

Cột C: Ghi tổng số doanh nghiệp/CA trong biểu (tương ứng với số thứ tự của DN cuối trong biểu).

Khi có sự thay đổi, gồm (1) thay đổi giấy phép, (2) thay đổi nội dung trong giấy phép, (3) cấp giấy phép mới, (4) thu hồi giấy phép: Trung tâm thực hiện cập nhật ngay sau khi có sự thay đổi hoặc cập nhật trong ngày - đảm bảo đồng bộ giữa dữ liệu theo dõi sau cấp phép của Trung tâm và thông tin tương ứng trên cơ sở dữ liệu thống kê của Bộ. Các trường hợp thay đổi khác cập nhật hằng tháng.

Biểu NEAC-02.1

Ban hành theo QĐ số .../QĐ-BTTTT

**TỔNG HỢP CẢ NƯỚC
SỐ LƯỢNG
CHỨNG THƯ SỐ ĐÃ CẤP**Đơn vị báo cáo:
Trung tâm NEACNgày nhận báo cáo: Kỳ tháng:
Trước ngày 10 tháng sau.
Năm: Trước 25/3 năm sau**Tháng ... /20...****Năm 20...**Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, VP Bộ

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	1	2
1	Tổng số chứng thư số công cộng đã cấp	Chứng thư số (CTS)		
1.1	Chứng thư số của tổ chức/doanh nghiệp			
1.2	Chứng thư số của cá nhân			
2	Tổng số chứng thư số công cộng đang hoạt động	CTS		
2.1	Chứng thư số của tổ chức/doanh nghiệp			
2.2	Chứng thư số cá nhân			
3	Tổng số chứng thư số chuyên dùng Chính phủ đang hoạt động	CTS		(Quý)
3.1	Chứng thư số của cơ quan/tổ chức			
3.2	Chứng thư số của cá nhân			
4	Tổng số chứng thư số chuyên dùng đã cấp	CTS		(Quý)
4.1	Đang hoạt động			
4.2	Ngừng hoạt động			
4.3	Thu hồi			
5	Doanh thu từ dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Triệu VNĐ		(Quý /Năm)
6	Đóng góp vào ngân sách nhà nước từ nguồn thu Phí duy trì Hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số	Triệu VNĐ		(Quý /Năm)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU

(Ký điện tử)

KIỂM TRA BIỂU

(Ký điện tử)

GIÁM ĐỐC

(Ký điện tử)

Ghi chú

Biểu được tổng hợp tương ứng từ số liệu của Biểu NEAC-02 các CA công cộng, CA chuyên dùng Chính phủ, CA chuyên dùng khác đã gửi NEAC.

Riêng chỉ tiêu 6 tập hợp từ số liệu phục vụ quản lý tài chính của Trung tâm.

B. Biểu áp dụng đối với tổ chức/doanh nghiệp CCDV xác thực chữ ký số**Biểu NEAC-02**

Ban hành theo QĐ số .../QĐ-BTTTT

**SỐ LƯỢNG
CHỨNG THƯ SỐ ĐÃ CẤP**Đơn vị báo cáo:
Tổ chức/DN cung cấp dịch vụ
xác thực chữ ký số...Ngày nhận báo cáo: Kỳ tháng:
Trước ngày 05 tháng sau. Năm:
trước 15/3 năm sau**Tháng ... /20...****Năm 20...**Đơn vị nhận báo cáo:
Trung tâm NEAC

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	1	2
1	Tổng số chứng thư số công cộng đã cấp	Chứng thư số (CTS)		
1.1	Chứng thư số của tổ chức/doanh nghiệp			
1.2	Chứng thư số của cá nhân			
2	Tổng số chứng thư số công cộng đang hoạt động	CTS		
2.1	Chứng thư số của tổ chức/doanh nghiệp			
2.2	Chứng thư số cá nhân			
3	Tổng số chứng thư số chuyên dùng Chính phủ đang hoạt động	CTS		(Quý)
3.1	Chứng thư số của cơ quan/tổ chức			
3.2	Chứng thư số của cá nhân			
4	Tổng số chứng thư số chuyên dùng đã cấp	CTS		(Quý)
4.1	Đang hoạt động			
4.2	Ngừng hoạt động			
4.3	Thu hồi			
5	Doanh thu từ dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Triệu VNĐ		(Quý/Năm)

..., ngày ... tháng ... năm 20...

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU*(Ký điện tử)***TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký điện tử)**Ghi chú*

Biểu mẫu này áp dụng đối với các CA công cộng, CA chuyên dùng Chính phủ, CA chuyên dùng khác để báo cáo các chỉ tiêu tương ứng về phát triển thuê bao chứng thư số.

CA thuộc nhóm nào thì báo cáo số liệu các chỉ tiêu tương ứng với CA đó.